

Số: 19 /2024/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Cấp đổi, bổ sung nội dung hoạt động trong Giấy phép của MSB

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông MSB

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung;

Phạm vi hoạt động của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận tại Giấy phép hoạt động số 0001/NH-GP ngày 08/6/1991, Quyết định số 68/NH-QĐ ngày 08/6/1991 về việc cấp Giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước cấp cho MSB. Tuy nhiên, để hợp nhất các hoạt động kinh doanh tại các Giấy phép sửa đổi, bổ sung trong một Giấy phép hoạt động chung, đồng thời chỉnh sửa, điều chỉnh thuật ngữ pháp lý phù hợp với các quy định mới của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và mở rộng, bổ sung một số hoạt động kinh doanh mới theo quy định tại Luật này, Hội đồng Quản trị MSB kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cấp đổi, bổ sung nội dung hoạt động trong Giấy phép của MSB như sau:

1. Cấp đổi Giấy phép hoạt động số 001/NH-GP ngày 08/6/1991, Quyết định số 68/NH-QĐ ngày 08/6/1991 về cấp Giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép của MSB, theo đó:
 - Điều chỉnh tên tiếng Anh từ “*Viet Nam Maritime Commercial Stock Bank*” thành “*Viet Nam Maritime Commercial Joint Stock Bank*”
 - Điều chỉnh/kéo dài Thời hạn hoạt động (*Thời hạn hoạt động đang ghi nhận là 25 năm*)
 - Ghi nhận lại toàn bộ các hoạt động kinh doanh đã được NHNN chấp thuận từ các Giấy phép hiện hành và có điều chỉnh thuật ngữ pháp lý phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.
2. Bổ sung một số hoạt động mới theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và theo hướng dẫn của NHNN trên cơ sở phù hợp với chiến lược kinh doanh và các yêu cầu của pháp luật.
3. Trong trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, thực hiện đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Luật Doanh nghiệp 2020, phạm vi chi tiết nêu tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.



4. Giao Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của MSB tiến hành các công việc sau đây: Đề nghị NHNN cấp đổi, bổ sung Giấy phép và thực hiện đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *m*
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Anh Tuấn
TRẦN ANH TUẤN

PHỤ LỤC:

Nội dung đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh của MSB

STT	Nội dung hoạt động/Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.	6419
2.	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; e) Thư tín dụng; g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	6419
3.	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng	6419
4.	Cung ứng các phương tiện thanh toán	6419
5.	Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	6419
6.	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	6419
7.	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia	6419
8.	Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản	6419
9.	Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn	6499
10.	Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, trừ mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	6419



STT	Nội dung hoạt động/Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
11.	Dịch vụ môi giới tiền tệ	6419
12.	Phát hành chứng chỉ tiền gửi	6419
13.	Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6419
14.	Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6419
15.	Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	6419
16.	Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật	6419
17.	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6419
18.	Ủy thác và đại lý, giao đại lý: a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước b) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	6499
19.	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.	6419
20.	Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác	6419
21.	Kinh doanh vàng	6419
22.	Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	6419
23.	Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép	6419
24.	Dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6419
25.	Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	6419
26.	Phát hành trái phiếu	6419
27.	Lưu ký chứng khoán	6419
28.	Nghiệp vụ ngân hàng giám sát	6419
29.	Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan	6419
30.	Ví điện tử sau khi được NHNN chấp thuận	6419

STT	Nội dung hoạt động/Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
31.	Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa sau khi được NHNN chấp thuận	6419
32.	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ	6419
33.	Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán	6419
34.	Mua, bán nợ	6619
35.	Các hoạt động kinh doanh khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)	6419



